

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	9 - 32



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Công nghiệp - Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Kạn, được thành lập theo Quyết định số 312/QĐ-UB ngày 05/4/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Công ty được chuyển đổi (CPH) từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn theo Quyết định số 3020a/QĐ-UBND ngày 30/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Khoáng sản Bắc Kạn thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1303000062 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 29/3/2006, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 thay đổi lần thứ 11 (mười một) ngày 06/11/2018.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 thay đổi lần thứ 11 (mười một) ngày 06/11/2018 của Công ty là 117.377.280.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười bảy tỷ, ba trăm bảy mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: BACKAN MINERAL JOINT STOCK COPRORATION.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội; Mã cổ phiếu: BKC. Theo Thông báo số 831/TB-SGDHN ngày 20/8/2020, cổ phiếu BKC của Công ty không được phép giao dịch ký quỹ từ ngày 24/8/2020. Theo Thông báo số 1128/TB-SGDHN ngày 02/4/2021, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội đưa cổ phiếu BKC của Công ty vào diện cảnh cáo từ ngày 06/4/2021.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Phi Hồ	Chủ tịch
Ông Đinh Văn Hiến	Ủy viên
Ông Mai Thanh Sơn	Ủy viên
Ông Nguyễn Huy Hoàn	Ủy viên
Ông Nguyễn Trần Nhất	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Thế Phòng	Trưởng ban
Ông Đặng Thanh Vân	Thành viên
Ông Bùi Đức Hùng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đinh Văn Hiến	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Nhất	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Gia Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Đình Thắng	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 được soát xét bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Đình Văn Hiến
Tổng Giám đốc

Bắc Kạn, ngày 16 tháng 8 năm 2021

Số. 247/2021/BCSX-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn, được lập ngày 16 tháng 8 năm 2021, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như trình bày tại mục 5.10 Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty có khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết - Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn - Lào đang được phản ánh trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ với giá trị ghi sổ tại ngày 30/6/2021 là 4.730.835.820 VND (Tại ngày 01/01/2021 là 4.730.835.820 VND). Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn-Lào nên chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị của khoản đầu tư trên. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu tại “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.4 Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, tại thời điểm 30/6/2021, trong số dư Phải thu khác dài hạn của Công ty có các khoản phải thu chuyển tiền ứng vốn lưu động cho Công ty con - Công ty TNHH Việt Trung phục vụ sản xuất kinh doanh theo thỏa thuận tại Hợp đồng số 156 ngày 08/12/2016. Các khoản phải thu này không có các tài sản đảm bảo nên có thể tồn tại rủi ro về khả năng thu hồi. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng sẽ thu hồi được toàn bộ các khoản phải thu này trong tương lai và không có ảnh hưởng trọng yếu khác đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, tại ngày 30/6/2021, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 5.321.505.941 VND. Trong 6 tháng đầu năm 2021 Công ty lỗ 27.237.464.199 VND. Dịch bệnh COVID-19 đã và đang tiếp tục ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Khả năng hoạt động của Công ty phụ thuộc vào sản xuất kinh doanh, việc triển vọng bán hàng, thu hồi các khoản công nợ và sự hỗ trợ nguồn vốn từ các cổ đông. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề trên.



Bùi Thị Thúy

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN				
A - (100=110+130+140+150)	100		247.954.781.675	251.971.425.659
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	10.297.203.057	1.507.197.641
1. Tiền	111		10.247.203.057	1.507.197.641
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		53.890.411.052	109.969.483.695
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	54.548.862.231	91.353.849.789
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	2.997.574.659	22.226.739.941
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.685.083.485	1.735.003.288
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(5.341.109.323)	(5.346.109.323)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	175.730.252.433	136.106.548.921
1. Hàng tồn kho	141		177.181.593.417	137.557.889.905
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.451.340.984)	(1.451.340.984)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.036.915.133	4.388.195.402
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	6.595.268.198	4.331.673.503
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		444.874.055	56.521.899
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		996.772.880	-
TÀI SẢN DÀI HẠN				
B - (200=210+220+240+250+260)	200		156.614.444.616	163.434.733.827
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		55.353.236.044	55.137.521.337
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	55.353.236.044	55.137.521.337
II. Tài sản cố định	220		71.981.495.503	78.571.844.169
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	71.822.490.512	78.373.087.930
- Nguyên giá	222		204.905.348.329	202.969.351.692
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(133.082.857.817)	(124.596.263.762)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	159.004.991	198.756.239
- Nguyên giá	228		1.111.264.959	1.111.264.959
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(952.259.968)	(912.508.720)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.642.978.863	6.925.798.347
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	6.642.978.863	6.925.798.347
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	19.988.251.895	19.988.251.895
1. Đầu tư vào công ty con	251		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		6.205.922.401	6.205.922.401
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		15.257.416.075	15.257.416.075
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(21.475.086.581)	(21.475.086.581)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.648.482.311	2.811.318.079
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	2.648.482.311	2.811.318.079
TỔNG CỘNG TÀI SẢN				
(270 = 100+200)	270		404.569.226.291	415.406.159.486

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		263.276.287.616	246.875.756.612
I. Nợ ngắn hạn	310		253.276.287.616	236.875.756.612
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	27.562.407.061	14.955.678.179
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.357.753.690	653.907.190
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	6.858.497.664	4.055.810.738
4. Phải trả người lao động	314		4.203.023.423	3.906.145.594
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	13.849.598.876	13.733.918.534
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	15.678.692.991	13.556.706.685
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	183.689.773.161	185.937.048.942
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		76.540.750	76.540.750
II. Nợ dài hạn	330		10.000.000.000	10.000.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	10.000.000.000	10.000.000.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		141.292.938.675	168.530.402.874
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.17	141.292.938.675	168.530.402.874
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		117.377.280.000	117.377.280.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		117.377.280.000	117.377.280.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		17.052.895.190	17.052.895.190
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.574.071.618	15.574.071.618
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(8.711.308.133)	18.526.156.066
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		18.526.156.066	-
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		(27.237.464.199)	18.526.156.066
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		404.569.226.291	415.406.159.486

Người lập biểu



Trần Thị Tuyết

Kế toán trưởng



Trần Thị Yến

Bắc Kạn, ngày 16 tháng 8 năm 2021

Tổng Giám đốc



Đình Văn Hiến

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	115.987.907.027	95.813.713.322
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		115.987.907.027	95.813.713.322
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	132.402.038.889	97.545.152.139
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		(16.414.131.862)	(1.731.438.817)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	36.189.830	2.793.432
7. Chi phí tài chính	22	6.4	6.640.529.924	7.229.192.764
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.640.529.924	7.229.192.764
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	5.802.420.567	5.103.253.075
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(28.820.892.523)	(14.061.091.224)
11. Thu nhập khác	31	6.6	2.370.048.844	2.295.964.839
12. Chi phí khác	32	6.6	786.620.520	431.923.969
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	1.583.428.324	1.864.040.870
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(27.237.464.199)	(12.197.050.354)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(27.237.464.199)	(12.197.050.354)

Bắc Kạn, ngày 16 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Tuyết



Trần Thị Yên



Đình Văn Hiến

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(27.237.464.199)	(12.197.050.354)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		8.526.345.303	7.619.042.345
- Các khoản dự phòng	03		(5.000.000)	(2.000.000)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(36.189.830)	(2.793.432)
- Chi phí lãi vay	06		6.640.529.924	7.229.192.764
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(12.111.778.802)	2.646.391.323
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		54.483.232.900	(23.961.887.971)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(39.623.703.512)	(2.772.101.341)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		15.799.581.402	13.740.040.995
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.100.758.927)	(65.808.684)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.792.304.541)	(4.195.901.611)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.654.268.520	(14.609.267.289)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.653.177.153)	(8.303.376.222)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		36.189.830	2.793.432
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.616.987.323)	(8.300.582.790)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ cho vay	33		111.258.819.447	96.915.553.951
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(113.506.095.228)	(76.097.536.729)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.247.275.781)	20.818.017.222
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		8.790.005.416	(2.091.832.857)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	1.507.197.641	2.561.252.203
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	10.297.203.057	469.419.346

Người lập biểu



Trần Thị Tuyết

Kế toán trưởng



Trần Thị Yên

Bắc Kạn, ngày 16 tháng 8 năm 2021

Tổng Giám đốc




Đinh Văn Hiến

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Công nghiệp - Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Kạn, được thành lập theo Quyết định số 312/QĐ-UB ngày 05/4/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Công ty được chuyển đổi (CPH) từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn theo Quyết định số 3020a/QĐ-UBND ngày 30/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Khoáng sản Bắc Kạn thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1303000062 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 29/3/2006, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 thay đổi lần thứ 11 (mười một) ngày 06/11/2018.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 thay đổi lần thứ 11 (mười một) ngày 06/11/2018 của Công ty là 117.377.280.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười bảy tỷ, ba trăm bảy mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: BACKAN MINERAL JOINT STOCK COPRORATION.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội; Mã cổ phiếu: BKC.

Theo Thông báo số 831/TB-SGDHN ngày 20/8/2020, cổ phiếu BKC của Công ty không được phép giao dịch ký quỹ từ ngày 24/8/2020. Theo Thông báo số 1128/TB-SGDHN ngày 02/4/2021, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đưa cổ phiếu BKC của Công ty vào diện cảnh cáo từ ngày 06/4/2021.

Trụ sở chính của Công ty tại Tổ 4 phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Số lao động tại ngày 30/6/2021 là 601 người (số lao động tại ngày 31/12/2020 là 351 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Nghành nghề kinh doanh: Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại và quý hiếm; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động công ty nắm giữ tài sản; Bán buôn thực phẩm; Chế biến và bảo quản hoa quả; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác, Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khai khoáng, xây dựng; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Tái chế phế liệu; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. chi tiết: hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác, Chi tiết: thăm dò khoáng sản; Chung, tinh cất và pha chế rượu mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Khai thác, chế biến và kinh doanh xuất nhập khẩu khoáng sản, kim loại đen, kim loại màu và kim loại quý hiếm; Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu nước giải khát,...

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Từ đầu năm 2020, đại dịch COVID-19 có những ảnh hưởng gần như toàn bộ tới nền kinh tế Việt Nam. Trong năm 2021, tình hình dịch bệnh vẫn tiếp diễn phức tạp, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty lỗ 27.237.464.199 VND. Trong bối cảnh hoạt động sản xuất, kinh doanh chịu nhiều tác động do dịch COVID-19, Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn.

1.6 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2021, Công ty có Công ty con, Công ty liên kết như sau:

	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con					
Công ty TNHH MTV Việt Trung	Tổ 17, Thị Trấn Bằng Lũng, Huyện Chợ Đồn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam	Khai thác khoáng sản	100%	100%	100%
Công ty liên doanh, liên kết					
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	Tổ 11A, Phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam	Thương mại, du lịch (Tạm ngừng hoạt động)	26,5%	26,5%	26,5%
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn Lào	Bản Kalso, huyện Vang Viêng, tỉnh Viêng Chăn, nước CHDCND Lào	Khai thác khoáng sản (Chưa hoạt động)	23%	23%	23%

Tại ngày 30/6/2021, Công ty có các đơn vị phụ thuộc như sau:

- Xí nghiệp Khai thác và Chế biến khoáng sản Chợ Đồn;
- Xí nghiệp Khai thác mỏ Nà Duồng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn tại Thái Nguyên;
- Chi nhánh Nhà máy nước khoáng AVA;
- Nhà máy chế biến rau quả nước giải khát Bắc Kạn;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn tại Hà Nội (tạm ngừng hoạt động từ ngày 23/5/2018);
- Chi nhánh Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn - Xí nghiệp khai thác khoáng sản mỏ Nà Bốp - Pù Sáp (thành lập ngày 29/4/2021);
- Văn phòng đại diện tại thủ đô Vientiane - Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực, liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định về hoạt động liên tục

Tại ngày 30/6/2021, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 5.321.505.941 VND. Trong 6 tháng đầu năm 2021, Công ty lỗ 27.237.464.199 VND. Tình hình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2020 và 6 tháng đầu năm 2021 suy giảm do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID 19, dẫn đến việc kinh doanh khoáng sản của Công ty gặp nhiều khó khăn, lượng hàng tồn kho tăng cao. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá tình hình kinh doanh của công ty sẽ khả quan khi tình hình dịch bệnh ổn định, công ty sẽ tiếp tục duy trì hoạt động trong ít nhất 12 tháng tới bằng việc thu hồi các khoản công nợ, sản xuất kinh doanh và sự hỗ trợ nguồn vốn từ các cổ đông. Báo cáo tài chính của Công ty vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác:

Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư làm căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất, nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là Công ty mẹ. Nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có Công ty con, căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được đầu tư đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 09
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 06

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chi phí sử dụng đất

Số năm
20

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản và các chi phí chờ phân bổ khác

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn, chi phí chờ phân bổ khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 06-36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm:

- Chi phí lãi vay trích trước theo hợp đồng vay, lãi thanh toán vào cuối kỳ khi trả nợ gốc;
- Chi phí trích trước khác: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm là quặng thành phẩm và rượu thành phẩm.

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định trong đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là khai thác bán khoáng sản, hoạt động cung cấp dịch vụ và bán mặt hàng nước, rượu chiếm tỷ trọng rất nhỏ, không có bộ phận cung cấp dịch vụ chuyên trách, riêng biệt và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt	69.327.795	409.717.630
Tiền gửi ngân hàng	10.177.875.262	1.097.480.011
Các khoản tương đương tiền	50.000.000	-
<i>Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng</i>	<i>50.000.000</i>	<i>-</i>
Tổng	10.297.203.057	1.507.197.641

Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 3,0%/năm.

5.2 Phải thu của khách hàng

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	54.548.862.231	91.353.849.789
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	48.424.046.768	87.717.050.408
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	2.890.400.620	2.890.400.620
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	2.500.000.002	-
Phải thu các đối tượng khác	734.414.841	746.398.761
Tổng	54.548.862.231	91.353.849.789
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>53.814.447.390</i>	<i>90.607.451.028</i>

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty CP Composite và Công nghệ Ánh Dương	158.000.000	868.216.000
Lê Văn Thắng	-	1.809.537.294
Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - VIMICO	258.317.852	17.179.493.473
Trung tâm tư vấn và công nghệ môi trường	334.400.000	474.000.000
Công ty TNHH Trung Thành Thái Nguyên	325.185.700	-
Trả trước các đối tượng khác	1.921.671.107	1.895.493.174
Tổng	2.997.574.659	22.226.739.941

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.4 Phải thu khác

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
Ngắn hạn	1.685.083.485	-	1.735.003.288	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	100.000.000	-
Công ty Liên doanh	462.590.470	-	462.590.470	-
Kim loại màu Việt Bắc				
Phải thu khác	587.801.276	-	592.801.276	-
Tạm ứng	634.691.739	-	579.611.542	-
Dài hạn	55.353.236.044	-	55.137.521.337	-
Ký cược, ký quỹ	1.457.756.851	-	1.687.206.144	-
Công ty TNHH Việt Trung (*)	53.895.479.193	-	53.450.315.193	-
Tổng	57.038.319.529	-	56.872.524.625	-
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>53.895.479.193</i>	-	<i>53.450.315.193</i>	-

(*) Công ty chuyển tiền ứng vốn lưu động cho Công ty con - Công ty TNHH Việt Trung phục vụ sản xuất kinh doanh theo thỏa thuận tại Hợp đồng số 156 ngày 08/12/2016, lãi suất 0%.

5.5 Nợ xấu

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
Công ty CPĐT TM & DL Bó Nặm	2.890.400.620	-	2.890.400.620	-
Dự phòng phải thu khó đòi các đối tượng khác	2.873.515.826	422.807.123	2.878.515.826	422.807.123
Tổng	5.763.916.446	422.807.123	5.768.916.446	422.807.123

5.6 Hàng tồn kho

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
Nguyên liệu, vật liệu	43.918.964.561	(1.451.340.984)	11.134.109.454	(1.451.340.984)
Công cụ, dụng cụ	1.871.526.287	-	1.057.600.710	-
Chi phí SX KDDD	5.797.271.349	-	6.607.237.805	-
Thành phẩm	94.213.763.709	-	87.378.874.425	-
Hàng hóa	31.380.067.511	-	31.380.067.511	-
Tổng	177.181.593.417	(1.451.340.984)	137.557.889.905	(1.451.340.984)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2021	108.886.111.244	82.534.835.121	9.271.121.653	344.630.205	1.932.653.469	202.969.351.692
Tăng trong kỳ	-	726.645.454	-	-	1.209.351.183	1.935.996.637
Mua trong kỳ	-	726.645.454	-	-	1.209.351.183	1.935.996.637
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2021	<u>108.886.111.244</u>	<u>83.261.480.575</u>	<u>9.271.121.653</u>	<u>344.630.205</u>	<u>3.142.004.652</u>	<u>204.905.348.329</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2021	55.950.572.468	60.394.376.678	5.992.212.742	326.448.405	1.932.653.469	124.596.263.762
Tăng trong kỳ	4.462.310.406	3.322.588.614	455.907.684	3.030.306	242.757.045	8.486.594.055
Khấu hao trong kỳ	4.462.310.406	3.322.588.614	455.907.684	3.030.306	242.757.045	8.486.594.055
Số dư tại 30/6/2021	<u>60.412.882.874</u>	<u>63.716.965.292</u>	<u>6.448.120.426</u>	<u>329.478.711</u>	<u>2.175.410.514</u>	<u>133.082.857.817</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2021	<u>52.935.538.776</u>	<u>22.140.458.443</u>	<u>3.278.908.911</u>	<u>18.181.800</u>	-	<u>78.373.087.930</u>
Tại 30/6/2021	<u>48.473.228.370</u>	<u>19.544.515.283</u>	<u>2.823.001.227</u>	<u>15.151.494</u>	<u>966.594.138</u>	<u>71.822.490.512</u>

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/6/2021 là 37.692.112.741 VND (tại ngày 01/01/2021 là: 40.575.779.151 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2021 là: 58.751.881.668 VND (tại ngày 01/01/2021 là: 57.381.073.486 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Tổng
NGUYỄN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2021	1.111.264.959	1.111.264.959
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2021	1.111.264.959	1.111.264.959
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2021	912.508.720	912.508.720
Tăng trong kỳ	39.751.248	39.751.248
Khấu hao trong kỳ	39.751.248	39.751.248
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2021	952.259.968	952.259.968
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2021	198.756.239	198.756.239
Tại 30/6/2021	159.004.991	159.004.991

Nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 30/6/2021 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 316.000.000 VND (tại 01/01/2021: 316.000.000 VND).

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VND

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6.642.978.863	6.642.978.863	6.925.798.347	6.925.798.347
Dự án mỏ Vàng Pác Lạng	3.791.282.154	3.791.282.154	3.791.282.154	3.791.282.154
Nhà máy luyện chì	-	-	200.015.229	200.015.229
Mở rộng nhà máy rau quả	1.589.500.964	1.589.500.964	1.589.500.964	1.589.500.964
Khoan thăm dò mỏ Bó Nặm	1.190.909.091	1.190.909.091	1.300.000.000	1.300.000.000
Các dự án khác	71.286.654	71.286.654	45.000.000	45.000.000
Tổng	6.642.978.863	6.642.978.863	6.925.798.347	6.925.798.347

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Tỷ lệ		30/6/2021			01/01/2021		
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý		Giá gốc	Giá trị hợp lý	
					Dự phòng			Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con			20.000.000.000		(20.000.000.000)	20.000.000.000		(20.000.000.000)
Công ty TNHH Việt Trung	100%	100%	20.000.000.000		(20.000.000.000)	20.000.000.000		(20.000.000.000)
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			6.205.922.401		(1.475.086.581)	6.205.922.401		(1.475.086.581)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	26,50%	26,50%	1.475.086.581		(1.475.086.581)	1.475.086.581		(1.475.086.581)
Công ty CP Khoáng sản Bắc Kạn - Lào (**)	23,00%	23,00%	4.730.835.820		-	4.730.835.820		-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			15.257.416.075		-	15.257.416.075		-
Tổng Công ty Cổ phần khoáng sản Luyện kim Bắc Kạn			120.000.000		-	120.000.000		-
Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An	5,41%	5,41%	15.137.416.075		-	15.137.416.075		-
Tổng			41.463.338.476	(*)	(21.475.086.581)	41.463.338.476	(*)	(21.475.086.581)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ vì không có giá niêm yết trên thị trường cho cổ phần của các khoản đầu tư này và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện nay không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ. Giá trị dự phòng được trích lập trên khoản lỗ tại Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được đầu tư theo phương pháp vốn chủ.

(**): Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn-Lào. Do đó, Công ty chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị của khoản đầu tư trên. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này chưa bao gồm bất cứ sự điều chỉnh nào có thể liên quan đến vấn đề này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.11 Chi phí trả trước

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	6.595.268.198	4.331.673.503
Chi phí nhà máy luyện chì	2.835.395	94.705.652
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.287.074.410	401.255.168
Chi phí sửa chữa nhà máy bột kẽm - XNCD	3.540.827.353	2.659.953.871
Chi phí khác chờ phân bổ mỏ Nà Duồng	764.531.040	1.175.758.812
Dài hạn	2.648.482.311	2.811.318.079
Chi phí lập hồ sơ khai thác mỏ Nà Pốp-Pù Sáp	-	503.238.185
Chi phí sửa chữa, cải tạo	477.947.006	628.132.229
Chi phí công cụ, dụng cụ	568.822.025	772.944.566
Chi phí lập báo cáo mở rộng khu chế biến chì kẽm	718.181.818	-
Chi phí khác chờ phân bổ	883.531.462	907.003.099
Tổng	9.243.750.509	7.142.991.582

5.12 Phải trả người bán

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả	Giá trị ghi sổ	Số có khả
		năng trả nợ		năng trả nợ
Ngắn hạn	27.562.407.061	27.562.407.061	14.955.678.179	14.955.678.179
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên mã	1.554.972.300	1.554.972.300	4.719.696.962	4.719.696.962
Doanh nghiệp Tư nhân kinh doanh sản xuất Xây dựng Cường Lan	274.754.955	274.754.955	457.644.219	457.644.219
Công ty TNHH Vinamico	-	-	790.577.480	790.577.480
Công ty Cổ phần kim loại màu Bắc Bộ	14.350.135.800	14.350.135.800	-	-
Phải trả người bán ngắn hạn khác	11.382.544.006	11.382.544.006	8.987.759.518	8.987.759.518
Tổng	27.562.407.061	27.562.407.061	14.955.678.179	14.955.678.179
<i>Trong đó phải trả các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>15.905.108.100</i>	<i>15.905.108.100</i>	<i>4.719.696.962</i>	<i>4.719.696.962</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2021
Phải nộp	4.055.810.738	5.142.165.610	2.339.478.684	6.858.497.664
Thuế giá trị gia tăng	874.892.000	(256.314.457)	618.577.543	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	25.605.813	12.862.514	-	38.468.327
Thuế thu nhập doanh nghiệp	447.992.882	-	-	447.992.882
Thuế thu nhập cá nhân	23.885.751	98.560.182	-	122.445.933
Thuế tài nguyên	1.202.785.777	2.717.520.465	703.401.435	3.216.904.807
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	347.544.000	438.148.306	438.148.306	347.544.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.133.104.515	2.131.388.600	579.351.400	2.685.141.715
Phải thu	-	6.556.558	1.003.329.438	996.772.880
Thuế giá trị gia tăng	-	6.556.558	1.003.329.438	996.772.880

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	13.849.598.876	13.733.918.534
Chi phí lãi vay	12.562.874.990	9.714.649.607
Các khoản khác	1.286.723.886	4.019.268.927
Tổng	13.849.598.876	13.733.918.534

5.15 Phải trả khác

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	15.678.692.991	13.556.706.685
Kinh phí công đoàn	1.117.014.151	1.040.747.053
Bảo hiểm xã hội	1.873.761.050	-
Bảo hiểm y tế	51.901.375	-
Bảo hiểm thất nghiệp	25.380.395	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	354.055.160	354.055.160
Tiền đặt cọc dự án mỏ vàng Pác Lạng (1)	300.000.000	300.000.000
Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc (2)	3.911.834.400	3.911.834.400
Công ty TNHH Thương mại Trường Phong (3)	6.739.200.000	6.739.200.000
Phải trả, phải nộp khác	1.305.546.460	1.210.870.072
Tổng	15.678.692.991	13.556.706.685

- (1) Tiền đặt cọc theo các thỏa thuận đầu tư ký giữa Công ty với các cá nhân để thực hiện dự án khai thác mỏ vàng Pác Lạng.
- (2) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10/HĐHTKD ngày 05/3/2008 giữa Công ty và Công ty liên doanh Kim loại màu Việt Bắc với mục đích xây dựng Nhà máy luyện chì tại khu vực Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Tuy nhiên đến hiện tại Công ty liên doanh Kim loại màu Việt Bắc đã rút khỏi dự án nhưng Công ty chưa trả lại số tiền.
- (3) Phải trả chuyển tiền chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH Việt Trung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2021		Phát sinh trong kỳ		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
		trả nợ				nợ
a. Vay ngắn hạn	183.689.773.161	183.689.773.161	106.258.819.447	108.506.095.228	185.937.048.942	185.937.048.942
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (1)	22.722.915.063	22.722.915.063	35.284.567.207	37.556.635.925	24.994.983.781	24.994.983.781
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (2)	29.888.042.207	29.888.042.207	51.474.252.240	51.585.459.303	29.999.249.270	29.999.249.270
Công ty Cổ phần Bến xe Quảng Ninh	-	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An (3)	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai (4)	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	-
Hoàng Thị Thanh Hằng (5)	72.747.815.891	72.747.815.891	-	-	72.747.815.891	72.747.815.891
Trần Minh Thành (5)	8.500.000.000	8.500.000.000	-	-	8.500.000.000	8.500.000.000
Vũ Phi Hồ (5)	3.390.000.000	3.390.000.000	-	-	3.390.000.000	3.390.000.000
Hoàng Thị Minh Nguyệt (5)	17.000.000.000	17.000.000.000	-	-	17.000.000.000	17.000.000.000
Vay ngắn hạn cá nhân khác (5)	13.441.000.000	13.441.000.000	3.500.000.000	3.364.000.000	13.305.000.000	13.305.000.000
b. Vay dài hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Nguyễn Thanh Hiến (6)	10.000.000.000	10.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Tổng	193.689.773.161	193.689.773.161	111.258.819.447	113.506.095.228	195.937.048.942	195.937.048.942
<i>Trong đó khoản vay các bên liên quan - Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>36.009.000.000</i>	<i>36.009.000.000</i>			<i>39.801.000.000</i>	<i>39.801.000.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Vay ngắn hạn

- (1) Hợp đồng cho vay hạn mức số 25/2020-HĐCVHM/NHCT172-KHOANGSAN ngày 26/10/2020 ký với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Kạn. Hạn mức cho vay: 25.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức: Từ ngày 26/10/2020 đến ngày 01/01/2021. Lãi suất được xác định theo từng Giấy nhận nợ. Biện pháp đảm bảo của Hợp đồng lần lượt là Hợp đồng thế chấp số 06-18/2017/HĐTC-KHOANGSAN ngày 07/02/2018 tài sản thế chấp là Quyền sử dụng và sở hữu với các hạng mục xây lắp của nhà máy luyện chì công suất 5000 tấn/Năm Giá trị tài sản thế chấp: 14.975.000.000 đồng; Hợp đồng thế chấp số: 20/2020/HĐBĐ/NHCT172 ngày 28/4/2020 Tài sản thế chấp là: máy vắt tinh quặng, máy thông gió ly tâm, máy nén khí trục vít, máy sấy không khí, lọc Hos, Biền tần, hệ thống túi lọc bụi lơ sần, hệ thống rọ túi lọc bụi Giá trị tài sản thế chấp: 3.404.200.000 đồng; Hợp đồng thế chấp số: 19/2020/HĐBĐ/NHCT172 ngày 28/4/2020 Tài sản thế chấp : Hệ thống kênh làm lạnh; lò luyện chì mới; sân kho chưa nguyên liệu thuộc nhà máy luyện chì 5000 tấn. Giá trị tài sản thế chấp là: 4.136.000.000 đồng.
- (2) Hợp đồng Tín dụng hạn mức số 02/2020/788949/HĐTD ký ngày 18/8/2020 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Kạn. Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này. Lãi suất: Thả nổi có điều chỉnh và được xác định theo từng hợp đồng vay cụ thể. Biện pháp bảo đảm: Các biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ được giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày của Hợp đồng này.
- (3) Hợp đồng vay vốn số 23/6/2020/HĐVV-CTBX ngày 23/6/2020 giữa Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An với Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn. Số tiền vay: 3.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày cho vay. Lãi suất 9%/năm; Hợp đồng vay vốn số 22/6/2020/HĐVV-CTBX ngày 22/6/2020 giữa Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An với Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn. Số tiền vay: 4.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày cho vay. Lãi suất 9%/năm; Hợp đồng vay vốn số 19/6/2020/HĐVV-CTBX ngày 19/6/2020 giữa Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An với Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn. Số tiền vay: 5.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày cho vay. Lãi suất 9%/năm.
- (4) Hợp đồng cho vay tiền số 01/HĐVT 2021/BKC-CĐĐN ngày 4/3/2021 giữa Công ty Cổ phần VLXD và Chất đốt Đồng Nai và Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn số tiền cho vay là 4.000.000.000 đồng để bổ sung vốn cho quá trình sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay là 09 tháng kể từ ngày nhận được tiền. Lãi suất cho vay là 11%/năm.
- (5) Các khoản vay cá nhân để bổ sung vốn lưu động, lãi suất khoản vay từ 0% đến 10,5%/năm.

Vay dài hạn

- (6) Hợp đồng Hợp đồng cho vay tiền số 07062021/HĐVT BKC-NTH ngày 07/6/2021 giữa bà Nguyễn Thanh Hiến và Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn số tiền 5.000.000.000 đồng để bổ sung vốn cho quá trình sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày nhận được tiền vay. Lãi suất cho vay là 5,6%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.17 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<i>Đơn vị tính: VND</i> Tổng
Số dư tại 01/01/2020	117.377.280.000	17.052.895.190	15.574.071.618	36.962.004.674	186.966.251.482
Lỗi trong năm trước	-	-	-	(18.435.848.608)	(18.435.848.608)
Số dư tại 31/12/2020	117.377.280.000	17.052.895.190	15.574.071.618	18.526.156.066	168.530.402.874
Số dư tại 01/01/2021	117.377.280.000	17.052.895.190	15.574.071.618	18.526.156.066	168.530.402.874
Lỗi trong kỳ	-	-	-	(27.237.464.199)	(27.237.464.199)
Số dư tại 30/6/2021	117.377.280.000	17.052.895.190	15.574.071.618	(8.711.308.133)	141.292.938.675

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	20.637.450.000	20.637.450.000
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	5.615.000.000	5.615.000.000
Đặng Thanh Vân	6.392.830.000	6.392.830.000
Mai Văn Bản	8.638.280.000	8.638.280.000
Vốn góp của đối tượng khác	46.093.720.000	46.093.720.000
Tổng	117.377.280.000	117.377.280.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	117.377.280.000	117.377.280.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 6	117.377.280.000	117.377.280.000

d. Cổ phiếu

	30/6/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.737.728	11.737.728
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.737.728	11.737.728
Cổ phiếu phổ thông	11.737.728	11.737.728
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.737.728	11.737.728
Cổ phiếu phổ thông	11.737.728	11.737.728
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	115.987.907.027	95.813.713.322
Tổng	115.987.907.027	95.813.713.322

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	132.402.038.889	97.545.152.139
Tổng	132.402.038.889	97.545.152.139

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	36.189.830	2.793.432
Tổng	36.189.830	2.793.432

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi tiền vay	6.640.529.924	7.229.192.764
Tổng	6.640.529.924	7.229.192.764

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí quản lý	5.802.420.567	5.103.253.075
Chi phí nhân viên quản lý	3.967.508.908	3.728.024.224
Chi phí đồ dùng văn phòng	100.987.397	40.812.309
Chi phí khấu hao TSCĐ	230.888.535	234.464.370
Thuế phí và lệ phí	67.562.548	25.938.479
Chi phí dự phòng	(5.000.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	637.965.455	439.022.715
Chi phí bằng tiền khác	802.507.724	634.990.978
Tổng	5.802.420.567	5.103.253.075

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.6 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Thu nhập khác		
Thu từ cho thuê TSCĐ	2.272.727.274	2.272.727.274
Thu nhập khác	97.321.570	23.237.565
Tổng	2.370.048.844	2.295.964.839
Chi phí khác		
Khấu hao TSCĐ cho thuê	85.489.890	85.489.890
Chi phí khác	701.130.630	346.434.079
Tổng	786.620.520	431.923.969
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	1.583.428.324	1.864.040.870

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	82.517.436.156	87.722.759.401
Chi phí nhân công	28.586.107.737	20.873.055.728
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.440.855.413	6.594.514.234
Chi phí dự phòng	(5.000.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.729.463.873	16.208.402.389
Chi phí khác bằng tiền	6.613.383.612	5.734.317.112
Tổng	137.882.246.791	137.133.048.864

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và nhân sự quản lý khác	Lương và thù lao	1.783.615.591	1.448.732.808
Tổng		1.783.615.591	1.448.732.808

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan

Biên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
1. Phải thu khách hàng			53.814.447.390	90.607.451.028
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	Công ty liên kết	Bán hàng	2.890.400.620	2.890.400.620
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	Cổ đồng	Bán hàng	48.424.046.768	87.717.050.408
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Cổ đồng	Tiền thuê xưởng	2.500.000.002	-
2. Phải trả người bán			15.905.108.100	4.719.696.962
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Cổ đồng	Mua hàng	1.554.972.300	4.719.696.962
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	Cổ đồng	Mua hàng	14.350.135.800	-
3. Phải thu khác			53.895.479.193	53.450.315.193
Công ty TNHH Việt Trung	Công ty con	Ứng vốn lưu động	53.895.479.193	53.450.315.193
4. Vay ngắn hạn			36.009.000.000	39.801.000.000
Công ty Cổ phần Bến xe Quảng Ninh		Vay	-	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An	Công ty liên kết	Vay	12.000.000.000	12.000.000.000
Chi nhánh Thái Nguyên		Vay	82.000.000	82.000.000
Ông Vũ Phi Hồ	Chủ tịch HĐQT	Vay	3.390.000.000	3.390.000.000
Bà Hoàng Thị Minh Nguyệt	Vợ CT HĐQT	Vay	17.000.000.000	17.000.000.000
Bà Trần Thị Yên	Kế toán trưởng	Vay	441.000.000	447.000.000
Ông Bùi Đức Hùng	TV Ban kiểm soát	Vay	291.000.000	297.000.000
Ông Đinh Văn Hiến	TGD	Vay	491.000.000	497.000.000
Ông Đỗ Đình Thắng	Phó TGD	Vay	441.000.000	447.000.000
Ông Nguyễn Trần Nhất	Phó TGD	Vay	491.000.000	497.000.000
Ông Trần Văn Quyền	Phó TGD	Vay	441.000.000	447.000.000
Ông Vũ Gia Hạnh	Phó TGD	Vay	441.000.000	447.000.000
Phạm Thị Hương Sen	Vợ của Tổng Giám đốc	Vay	500.000.000	250.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
1. Mua hàng			
Công ty TNHH Việt Trung	Tính quặng chì	-	1.927.451.000
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Tính quặng chì	-	5.669.071.200
	Thuê phân tích mẫu, chế biến	8.563.613.340	727.272.727
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	Mua quặng	13.045.578.000	-
2. Bán hàng			
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Tiền thuê xưởng	2.272.727.274	2.272.727.274
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	Nước tinh khiết	-	6.250.908
	Bán chì thời	100.783.368.900	-
3. Giao dịch khác			
Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An	Nhận vay	12.000.000.000	12.000.000.000
	Trả vay	12.000.000.000	-
	Lãi vay	407.589.042	-
Công ty Cổ phần Bến xe Quảng Ninh	Trả vay	4.000.000.000	-
	Lãi vay	87.013.698	-
Bà Hoàng Thị Minh Nguyệt	Lãi vay	484.169.861	-
Bà Trần Thị Yến	Trả vay	6.000.000	-
	Lãi vay	23.272.459	-
Ông Bùi Đức Hùng	Trả vay	6.000.000	-
	Lãi vay	15.419.465	-
Ông Đinh Văn Hiến	Trả vay	6.000.000	-
	Lãi vay	25.890.843	-
Ông Đỗ Đình Thắng	Trả vay	6.000.000	-
	Lãi vay	23.280.370	-
Ông Nguyễn Trần Nhất	Trả vay	6.000.000	-
	Lãi vay	25.890.843	-
Ông Trần Văn Quyền	Trả vay	6.000.000	-
	Lãi vay	23.271.452	-
Ông Vũ Gia Hạnh	Trả vay	6.000.000	-
	Lãi vay	23.272.602	-
Bà Phạm Thị Hương Sen	Vay	500.000.000	-
	Trả vay	25.000.000	-
	Lãi vay	9.282.192	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPAVIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPAVIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập

Trần Thị Tuyết

Kế toán trưởng

Trần Thị Yến

Bắc Kạn, ngày 16 tháng 8 năm 2021

Tổng Giám đốc



Đình Văn Hiến



